TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNST
Ngày: 17/04/2023
Về việc:*"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R , THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Lư Thành Danh*.

Bà *Trần Ngọc Sáng*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Võ Thị Phi Liễu* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R , thành phố C T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Võ Thị Nhu* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/04/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST- HN ngày 16 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐST-HN ngày 28/03/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh T H**, sinh năm 1972. (Có mặt)

HKTT: Số 368A khu vực Phú Hưng, phường P T, quận C R , thành phố C T .

Địa chỉ liên hệ: số 14/12 khóm Thới Thạnh, phường M T, thành phố L X, tỉnh A G.

* *Bị đơn*: Ông **Trần V K**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 368A khu vực Phú Hưng, phường P T, quận C R , thành phố C T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Huỳnh T H trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần V K do hai bên gia đình mai mối sau đó tự tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận C R, thành phố C T vào 16/03/2007. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm vào cuối năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K không chăm lo cho gia đình, thường hay rượu chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Bà đã trao đổi, bàn bạc nhiều lần nhưng ông K vẫn không đổi, không có kết quả. Nay mục đích hôn nhân không còn đạt được. Cả hai đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt, không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần V K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần P Q (Nam), sinh ngày 24/4/2001 và Trần T N G (Nữ), sinh ngày 23/04/2009. Đối với cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu G thì khi ly hôn xin được nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

* *Phía bị đơn ông Trần V K trình bày*:

Về hôn nhân: Thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân giống như lời trình bày của bà H . Về mâu thuẫn thì trong quá trình chung sống phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế dẫn đến mâu thuẫn ngày trầm trọng do đó bà H bỏ nhà đi từ 2019 cho đến nay, cả hai cũng đã trao đổi nhiều lần nhưng không mang lại kết quả nên cả hai chọn cách ly thân để có thời gian suy nghĩ, tuy nhiên sau thời gian ly thân cả hai càng xa cách và tình cảm dần không còn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn.

- Về con chung: Có 02 con chung giống như bà H trình bày. Đối với cháu Q đã trưởng thành thì không yêu cầu, còn đối với cháu G thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh T H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông K vì hiện nay tình cảm, lòng tin đã không còn, cả hai đã ly thân một thời gian dài. Về con chung thì đối với cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và cháu G thì khi ly hôn bà xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định mâu thuẫn vợ chồng là có, hiện nay của cả hai không có tiếng nói chung, không còn sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống và cả hai đã ly thân nếu kéo dài sẻ ảnh hưởng đến cả hai. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa cả hai cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Theo bà H trình bày, hiện nay cháu Q đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, còn cháu G đang ở với bà và tại bản tự

khai cháu G cũng có nguyện vọng ở chung với mẹ. Do đó, đề nghị giao cháu Trần T N G cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống, hoàn cảnh sống và tâm sinh lý cho con, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Huỳnh T H và ông Trần V K tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặt khác, bị đơn ông Trần V K có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*: Ông Trần V K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh. Theo bà H, mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K không chă lo cho gia đình, thường hay rượu chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên, không còn sự tin tưởng, tin yêu trong cuộc sống. Bên cạnh đó, cả hai đã ly thân một thời gian dài nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Mặc dù, bà đã tạo điều kiện cho ông K nhiều cơ hội để sửa đổi, hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, nay thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần V K. Theo ông K xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là có nên việc bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Việc tiến tới hôn nhân của cả hai là tự nguyện nay cả hai thống nhất thuận tình ly hôn do đó đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của bà H là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Các bên xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung tên tên Trần P Q (Nam), sinh ngày 24/4/2001 và Trần T N G (Nữ), sinh ngày 23/04/2009. Đối với cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu G đã trên 07 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Toà án cũng đã hỏi nguyện vọng của cháu G thì cháu G xác định được tiếp tục ở với mẹ, do mẹ là người trực tiếp chăm sóc cho cháu từ trước đến nay. Mặt khác, cháu G đang còn nhỏ và là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ và cháu hiện tại đang sống chung với mẹ nếu thay đổi hoàn cảnh sống sẽ ảnh hưởng đến môi trường sống, tâm sinh lý của cháu. Phía ông K, có yêu cầu được nuôi con

nhưng vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông cũng không tha thiết gì đối với việc tranh chấp nuôi con với bà H. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà H không yêu cầu và ông K cũng vắng mặt nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Các bên xác định tự thoả thuận, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh T H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Huỳnh T H đối với ông Trần V K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần P Q (Nam), sinh ngày 24/4/2001 và Trần T N G (Nữ), sinh ngày 23/04/2009. Đối với cháu đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Giao cháu Trần T N G cho bà Huỳnh T H trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần V K không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008929 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***

+ VKSND quận C R ;
+ Chi Cục THADS quận C R ;
+ UBND phường P T,
Q. C R , TP. C T ;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GẤM